

Số: 12/2020/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 30 tháng 7 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng**  
**tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;*

*Căn cứ Luật Lâm nghiệp năm 2017;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 87/TTr-SNN ngày 22 tháng 6 năm 2020.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng; Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang; các đơn vị, tổ chức được giao hỗ trợ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Tuyên Quang thực hiện nhiệm vụ chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tạm ứng, chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

**Điều 3. Số lần tạm ứng, tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng**

1. Thời gian tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng:

- a) Thời gian tạm ứng lần 1: Sau ngày 15 tháng 2 năm kế hoạch.
- b) Thời gian tạm ứng lần 2: Sau ngày 20 tháng 9 năm kế hoạch.

2. Tỷ lệ tạm ứng tiền dịch vụ môi trường rừng:

a) Tạm ứng lần 1 tối đa 25% số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

b) Tạm ứng lần 2 tối đa 45% số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

3. Trong trường hợp bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng chỉ đề nghị tạm ứng 01 lần sau ngày 20 tháng 9 năm kế hoạch thì được tạm ứng tối đa 70% số tiền chi trả cho bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng theo kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt hàng năm.

**Điều 4. Điều khoản thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2020.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện có diện tích rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Như điều 4 (thực hiện);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị- xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo Tuyên Quang;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Trưởng các phòng: KT, TH.
- Lưu VT, NLN (Toán).

**Nguyễn Thế Giang**

